TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 747/2017/HC-PT
Ngày: 18-8-2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Kim Thoa
Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Thế Trọng
2. Bà Trần Mỹ Cúc

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/2017/TLPT-HC ngày 05 tháng 6 năm 2017 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1709/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hồ Văn B, sinh năm 1943
Địa chỉ cư trú: thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ trụ sở: thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Tiến T
Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C
(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 5327/GUQ-UBND ngày 07/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C)
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn N - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1954

Địa chỉ cư trú: thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị I, sinh năm: 1931

Địa chỉ cư trú: thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị I:

- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1977

Địa chỉ cư trú: thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 003458 ngày 28/7/2017 do bà Nguyễn Thị I lập tại Văn phòng Công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ông Nguyễn Hiền H, sinh năm: 1958

Địa chỉ cư trú: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 003459 ngày 28/7/2017 do bà Nguyễn Thị I lập tại Văn phòng Công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Người kháng cáo:

4.1. Ủy ban nhân dân huyện C – Người bị kiện.

4.2. Bà Nguyễn Thị I – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2012, lời khai tại các bản tự khai, các biên bản đối thoại ngày 15/11/2012, ngày 22/3/2016 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 03 tháng 01 năm 2017, người khởi kiện ông Hồ Văn B trình bày:

Trước năm 1975 ông Hồ Văn N là cha của ông có sử dụng một phần thửa đất tại khu phố Miễu Ba, thị trấn C để sản xuất muối. Năm 1979, Trung đoàn 10 mượn đất để làm doanh trại. Khi Trung đoàn 10 dời đi có trả lại đất cho gia đình cha ông N.

Năm 1994, Ủy ban nhân dân huyện C làm đường C2 đi ngang qua phần đất nhà ông N, diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án đường C2 là 850,3m^2, gia đình ông N đã nhận tiền bồi thường là 2.550.900 đồng.

Năm 2003, ông N làm hồ sơ hợp thức hóa các phần đất còn lại thì Ủy ban nhân dân huyện C chỉ cho hợp thức hóa một phần. Còn lại 7.000m^2 đất tại thửa số 67, tờ bản đồ 06 xã C (nay là thửa 62, 63, 64, 70-1, tờ bản đồ số 34 thị trấn C) thì Ủy ban nhân dân huyện C cho là còn 2.300m^2 và không cho hợp thức hóa nên ông N khiếu nại. Việc khiếu nại của ông N đã được giải quyết như sau:

Tại Quyết định số 1261/QĐ-UB ngày 17/11/2003, Ủy ban nhân dân huyện C bác khiếu nại của ông N.

Tại Quyết định số 422/QĐ-UB ngày 01/9/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C bác khiếu nại của ông N, giữ nguyên Quyết định số 1261/QĐ-UB.

Tại Công văn số 7359/TNMT-TTS ngày 10/11/2004, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết lại khiếu nại của ông N.

Tại Quyết định số 360/QĐ-UB ngày 06/4/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã hủy Quyết định số 422/QĐ-UB ngày 01/9/2004; đồng thời ban hành Quyết định số 361/QĐ-UB ngày 06/4/2005 bác khiếu nại của ông N.

Tại Công văn số 3251/TNMT-TTS ngày 24/5/2005, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện C xem xét lại khiếu nại của ông N.

Tại Quyết định số 156/QĐ-UB ngày 10/3/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1261/QĐ-UB ngày 17/11/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 361/QĐ-UB ngày 06/4/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và ban hành Quyết định số 463/QĐ-UB ngày 27/6/2006 công nhận đơn khiếu nại của ông N, giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn C hướng dẫn ông N đăng ký, xin công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.074m^2 tại các thửa 62, 63, 64, 70-1 tờ bản đồ số 34 thị trấn C. Do ông N cho ông B phần đất này nên ông B đã tiến hành đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007.

Tại Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 16/10/2009, Ủy ban nhân dân huyện C đã thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 đã cấp cho ông B với lý do đất không đủ điều kiện cấp giấy chưng nhận quyền sử dụng.

Ông B khiếu nại, tại Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã bác khiếu nại của ông B nên ông B đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C.

Do Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 491/QĐ-UBND Đến ngày 12/7/2010 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 16/10/2009, đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 482/QĐ-UB thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 29/01/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nên ông B rút đơn khởi kiện và Tòa án ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 04/2010/QĐ-ĐC.HC ngày 15/7/2010.

Tuy nhiên đến ngày 18/5/2012, Ủy ban nhân dân huyện C lại ban hành Quyết định số 352/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 đã cấp cho ông B với lý do đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Ngày 10/7/2012 Ủy ban nhân dân huyện C lại ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông B một lần nữa cũng với lý do đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận.

Từ những lý do trên, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C và công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 do Ủy ban nhân dân huyện C ký ngày 06/4/2007 là đúng pháp luật và ông B được quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại Bản tự khai lập ngày 27/02/2013 và tại Văn bản số 1395/UBND ngày 25/7/2014, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Ủy ban nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn B theo Quyết đinh số 587/QĐ-UBND ngày

10/7/2012 vì việc thu hồi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, với lý do như sau:

Về nguồn gốc: Đất do Ủy ban nhân dân xã C đăng ký theo Tài liệu Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ và theo Chỉ thị 02/CT-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Về quá trình sử dụng: Trước năm 1990, Bộ đội Biên phòng Thành phố có sử dụng làm doanh trại. Từ năm 1990 (khi biên phòng chuyển đi nơi khác) đến năm 2007 đất không có ai sử dụng. Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, ông N không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S (vợ ông Hồ Văn B) thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông B.

Tại bản tự khai lập ngày 03/01/2017, ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị I - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - theo giấy ủy quyền lập ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhân dan thỉ trấn C, huyện C cho biết bà I không có liên quan gì đến vụ án hành chính này và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính có hiệu lực ngày 01/07/2016.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B.

Hủy quyết định số: 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 do Ủy ban nhân dân huyện C ký ngày 06/4/2007 và ông Hồ Văn B được quyền sử dụng diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Án phí hành chính sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) UBND huyện C phải nộp, hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông Hồ Văn B theo biên lai thu số số 03984 ngày 10/6/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyền kháng cáo:

Án hành chính sơ thẩm xử công khai, các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án hôm nay. Riêng người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương và trụ sở tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2017, ông Nguyễn Ngọc T cho rằng ông là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị I (theo Giấy ủy quyền lập ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhan dân thị trấn C) làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm (Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 10/4/2017), với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không

xem xét yêu cầu của bà I về việc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà I dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà I bị xâm phạm nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận cho hộ bà I được quyền sử dụng phần đất diện tích 4.074m^2 tại các thửa 62, 63, 64 70-1 tờ bản đồ số 34 thị trấn C, huyện C, buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho hộ bà I đối với phần đất thuộc thửa nêu trên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện C làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm (Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 10/4/2017), với lý do: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Văn B là có sai sót nên việc thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông B là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C có ông Trương Tiến T là người đại diện hợp pháp vắng mặt, nhưng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Văn N trình bày như sau: Ủy ban nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B đề nghị hủy Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông B đối với phần đất diện tích 4.074m^2 tại các thửa 62, 63, 64, 70-1 tờ bản đồ số 34 thị trấn C, vì phần đất nêu trên ông B không có sử dung từ năm 1990 đến nay, không có kê khai đăng ký, nên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Ủy ban nhân dân huyện C lại cấp cho ông B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 là có sai sót.

- Người khởi kiện là ông Hồ Văn B trình bày như sau: Phần đất nêu trên là do cha ông là ông Hồ Văn N khai phá sử dụng từ trước năm 1975, đến năm 1979 cho Trung đoàn 10 (E10) mượn làm doanh trại, đến năm 1990 thì trả lại nhưng lại trả cho Ủy ban nhân dân xã. Tuy nhiên đến năm 1993, Ban chỉ huy Trung đoàn 10 (E10) có xác nhận là vào năm 1979 có mượn đất của cha ông để làm doanh trại. Vì là đất của gia đình ông nên vào năm 1994, khi làm đường ngang qua khu đất này, Ủy ban có bồi thường cho gia đình ông. Năm 1994 gia đình ông có vô đất để sử dụng nhưng Ủy ban không cho nên gia đình ông phải sử dụng lén. Việc gia đình ông không thực hiện kê khai đăng ký đất là do Ủy ban nhân dân xã C không cho. Do phần đất nêu trên có nguồn gốc do cha ông tự khai phá, gia đình ông có quá trình sử dụng, nên đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần nên Ủy ban nhân huyện C thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 đã cấp cho gia đình ông là sai. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

ông là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S (vợ ông Hồ Văn B) thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị I có ông Nguyễn Hiền H và ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện hợp pháp trình bày như sau:

Về nguồn gốc phần đất diện tích 4.074m^2 tại các thửa 62, 63, 64, 70-1 tờ bản đồ số 34 thị trấn C là của gia tộc ông Huỳnh Văn B – chồng bà I, gia đình ông Bảy - bà I cho bộ đội biên phòng mượn năm 1979 để làm doanh trại. Năm 1990, khi không sử dụng bộ đội biên phòng đã làm giấy trả lại cho gia đình bà I, nhưng giấy này Ủy ban nhân dân xã giữ, không đưa lại cho bà I. Gia đình bà I là người sử dụng phần đất này từ năm 1990, năm 1997 đã xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được cấp vì Ủy ban cho rằng là đất công thuộc quyền quản lý của Nhà nước, gia đình bà I chấp hành, nhưng sau đó khi biết được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông B, bà I đã khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện C mới thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông B. Do đất có nguồn gốc của gia đình bà I, đất lại đang có tranh chấp và gia đình bà I đang sử dụng nên việc Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông B là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

Về đơn kháng cáo của bà I, ông T thừa nhận ông là người ký đơn kháng cáo ngày 07/4/2017 với tư cách là người đại diện cho bà I theo Giấy ủy quyền lập ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C và bà Nguyễn Thị I:

Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị I do ông T đại diện ký và nộp đơn kháng cáo cho Tòa án nhưng theo Giấy ủy quyền ngày 03/01/2017 thì việc ông T đại diện bà I làm đơn kháng cáo là vượt quá phạm vi ủy quyền nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét kháng cáo của bà I.

Về kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C: Sau khi có kết luận thanh tra của Thanh tra C, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B là đúng thủ tục, trình tự và thẩm quyền. Việc thu hồi Giấy chứng nhận là đúng quy định pháp luật vì ông B không có quá trình sử dụng đất từ sau khi phần đất nêu trên không còn sử dụng vào mục đích quân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B cho rằng còn sử dụng nhưng là sử dụng lén. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là chưa đủ cơ sở. Kháng cáo của Ủy ban nhân

dân huyện C là có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện C.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 là quyết định hành chính trong quản lý đất đai về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn B do Ủy ban nhân dân huyện C ban hành. Ngày 03/10/2012, ông B đã có đơn khởi kiện đối với quyết định nêu trên, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án trước ngày 01/7/2016 và tiếp tục giải quyết vụ án sau ngày 01/7/2016 là đúng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ Khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, Điều 21 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

[4] Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị I do ông Nguyễn Ngọc T làm và nộp Tòa án:

Căn cứ Giấy ủy quyền lập ngày 03/01/2017 do bà Nguyễn Thị I lập ngày 03/01/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C thì bà I chỉ ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T được: "Thay mặt tôi dự buổi triệu tập của Tòa án nhân dân huyện C (liên quan đến vụ kiện của ông Hồ Văn B)", bà I không có ủy quyền cho ông T được đại diện bà làm đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 6 Điều 205 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tuy nhiên, sau khi nhận được Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, ông T làm và ký vào đơn kháng cáo ghi ngày 07/4/2017 với tư cách là người đại diện theo ủy

quyền cho bà I. Như vậy, việc ông T đại diện cho bà I làm đơn kháng cáo ngày 07/4/2017 là vượt quá phạm vi mà ông T được bà I ủy quyền. Tòa án nhân dân huyện C khi nhận đơn kháng cáo do ông T nộp đã không kiểm tra mà chấp nhận cho ông T kháng cáo là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 229 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà I do ông T đại diện ký và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vì thuộc trường hợp trả lại đơn kháng cáo.

[5] Về kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C:

Ủy ban nhân dân huyện C kháng cáo cho rằng phần đất diện tích 4.074m^2 tại các thửa 62, 63, 64, 70-1 tờ bản đồ số 34 thị trần C không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì gia đình ông B không có quá trình sử dụng đất từ năm 1990 đến nay, không có kê khai đăng ký. Việc Ủy ban nhân dân huyện C hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 đã cấp cho ông B đối với phần đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Hồ Văn B.

Qua kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về quá trình sử dụng và kê khai đăng ký đối với phần đất diện tích 4.074m^2 tại các thửa 62, 63, 64, 70-1 tờ bản đồ số 34 thị trần C từ năm 1979 cho đến năm 1990:

Căn cứ vào sự thừa nhận của các bên đương sự và căn cứ Tài liệu 299/TTg của Chính phủ thì có cơ sở xác định từ năm 1979 cho đến năm 1990, phần đất nêu trên được sử dụng để phục vụ cho mục đích quân sự. Sau năm 1990, khi không còn sử dụng đất cho mục đích quân sự thì phần đất nêu trên được trả lại cho Ủy ban nhân dân xã C và theo Tài liệu 299/TTg thì vị trí khu đất nêu trên nhằm thửa 37 tờ bản đồ số 04, loại đất chuyên dùng khác do Ủy ban nhân dân xã C đăng ký. Như vậy có cơ sở để xác định gia đình ông B không có sử dụng và cũng không có kê khai đăng ký phần đất nêu trên.

- Về quá trình sử dụng và kê khai đăng ký phần đất diện tích 4.074m^2 tại các thửa 62, 63, 64, 70-1 tờ bản đồ số 34 thị trần C từ năm 1990 cho đến năm 2007:

Theo Ủy ban nhân dân huyện C thì từ sau khi tiếp nhận, Ủy ban chưa bố trí sử dụng, cũng không có người dân nào sử dụng phần đất này và căn cứ tài liệu đăng ký theo Chỉ thị 02/CT-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì vị trí khu đất nêu trên nhằm một phần thửa 67 tờ bản đồ số 06, loại đất hoang bằng do Ủy ban nhân dân xã C đăng ký, chỉ sau khi ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2007, ông B mới vào trồng chuối được khoảng ½ diện tích được cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông B cho rằng sau khi đất được trả, mặc dù Ủy ban nhân dân xã C là người tiếp nhận nhưng gia đình ông có vào sử dụng nhưng là sử dụng lén vì nếu Ủy ban biết sẽ xuống lập biên bản không cho sử dụng. Mặt khác phía bà I cũng cho rằng ông B không có quá trình sử dụng nên vào năm 1997, bà I cũng đã có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nêu trên, tuy nhiên đơn của bà I đã bị Ủy ban nhân dân huyện C từ chối.

Như vậy, có cơ sở để xác định từ sau khi quân đội trả đất, Ủy ban nhân dân xã C là người trực tiếp quản lý đất, gia đình ông B không có quá trình sử dụng ổn định phần đất không có kê khai đăng ký nêu trên từ năm 1990 cho đến năm 2007.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cho dù nguồn gốc đất là của gia đình ông B và gia đình ông B có cho Trung đoàn 10 (E10) mượn để sử dụng vào mục đích quân sự vào năm 1979, nhưng từ năm 1990 đến năm 2007, gia đình ông B không có sử dụng cũng như không có kê khai đăng ký đối với phần đất này. Việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 cho ông B đối với phần đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 đã cấp cho ông B là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguồn gốc đất do ông N khai phá và căn cứ xác nhận của Ban chỉ huy Trung đoàn 10 (E10) về việc có mượn đất của ông N làm doanh trại để xác định ông B đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đủ cơ sở. Kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C là có căn cứ nên Hội dồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

[6] Về án phí:

+ Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

+ Án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên Ủy ban nhân dân huyện C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào Khoản 6 Điều 205, điểm b Khoản 1 Điều 229 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị I tại đơn kháng cáo do ông Nguyễn Ngọc T lập ngày 07/4/2017 (được Tòa án nhân dân huyện C nhận ngày 10/4/2017).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị I số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Ngọc T nộp theo biên lai thu số AG/2011/05397 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

II. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 50, Khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 21 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn B về việc hủy Quyết định số: 587/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01395 và H01396 ngày 06/4/2007 do do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hồ Văn B

2. Án phí hành chính sơ thẩm: 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), ông Hồ Văn B phải chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) mà ông Hồ Văn B đã nộp theo biên lai thu số số 03984 ngày 10/6/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông B đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

III. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C không phải chịu. Hoàn lại cho Ủy ban nhân dân huyện C 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà Ủy ban nhân dân huyện C đã nộp theo biên lai thu số AG/2011/05407 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THA Dân sự huyện Cần Giờ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Thoa

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA Dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Thoa